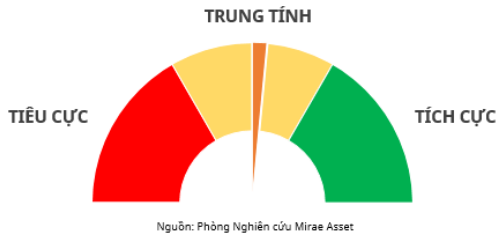


Thang đo sức mạnh thị trường



24 Tháng Mười Hai 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,477.03	-0.19	-0.80	38.36
HNX	445.61	-2.32	-2.19	137.49
UPCOM	110.20	-1.26	-3.87	50.81
MSCI EM	1,219.60	0.27	-2.68	-2.71
NIKKEI	28,782.59	0.83	-1.77	7.93
HANG SENG	23,223.76	0.13	-5.92	-11.99
KOSPI	3,012.43	-0.18	0.61	7.32
FTSE	7,378.78	1.50	1.27	13.48
S&P 500	4,725.79	1.22	0.52	27.62
NASDAQ	15,653.37	3.12	-1.21	22.25

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.56	2.78	15.84
SET INDEX	19.56	1.77	7.76
JCI INDEX	25.19	2.19	7.75
PCOMP INDEX	23.65	1.76	7.69

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.84	2	7	-10
10 năm	2.10	0	2	-22

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,921	0.07	-1.01	0.92
US\$/KRW	1,187	-0.46	-0.02	-7.05
US\$/JPY	114	-0.66	0.91	-9.39
US\$/EUR	0.88	-0.85	-1.19	7.52
US\$/GBP	0.75	-1.30	-0.61	1.08
US\$/SGD	1.36	0.77	0.83	-2.09

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,046	1,165	864
HNX	128	148	125
UPCOM	78	87	65



Nhận định thị trường

VN-Index trải qua tuần biến động mạnh nhưng chốt tuần đi ngang

Các phiên tăng giảm xuất hiện đan xen trong tuần, sau 3 phiên đầu tuần biến động hẹp, chỉ số bất ngờ giảm mạnh hơn 20 điểm trong phiên ngày 23/12 tuy nhiên sau đó lại hồi phục mạnh với mức tương ứng (+20 điểm) trong phiên cuối tuần (24/12). Chốt tuần VN-Index đạt mức 1.477,03, giảm 2,76 điểm (-0,19%), mức biến động ít nhất trong khoảng hơn 6 tháng gần nhất.

Diễn biến phân hóa tiếp tục hiện hữu, trong nhóm VN30 trong khi MSN và VCB dẫn đầu nhóm ảnh hưởng tích cực với mức điểm tác động lần lượt +4,2 và +3,6 lên VN-Index thì VIC, VHM và GAS đã tác động giảm tương ứng với mức -5,5 điểm, -1,8 điểm và -1,7 điểm.

Khối ngoại có 2 phiên bán ròng và 3 phiên mua ròng nhưng tính tổng cộng nhóm này đã bán ròng 358 tỷ đồng trên HSX và 940 tỷ đồng trên HNX. VHM và VRE là 2 cổ phiếu dẫn đầu nhóm mua ròng với giá trị lần lượt 445 tỷ đồng và 190 tỷ đồng. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 925 tỷ đồng, tiếp theo là MSN với giá trị 376 tỷ đồng và HPG với giá trị bán ròng 242 tỷ đồng.

Xu hướng đi ngang vẫn được duy trì trong ngắn hạn tuy nhiên NĐT cần quan sát thêm diễn biến ngắn hạn của chỉ số trong các phiên tiếp theo. Thị trường có thể ở giai đoạn cuối của xu hướng đi ngang và bước vào giai đoạn biến động lớn hơn. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+0 (TRUNG TÍNH)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 17,56.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 4.350 tỷ đồng, đạt 58,0% tổng lượng phát hành, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm về mức 1,7 lần từ mức 2,1 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 10 năm gọi thầu thành công 1.779/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,08% (+0bps); Kỳ hạn 15 năm gọi thầu thành công 2.564/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,33% (-1bps); Và kỳ hạn 20 năm chỉ phát hành thành công 9/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,75% (-2bps). Trong khi đó kỳ hạn 5 năm phát hành không thành công toàn bộ 500 tỷ đồng.
- Tuần sau vào ngày 29/12 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 4.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 500 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (4) Kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 15/11 – 22/12 lãi suất liên ngân hàng đồng loạt tăng mạnh, cụ thể các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần ghi nhận các mức tăng mạnh, lần lượt +70bps lên 1,34%, +70 bps lên 1,49% và +66bps lên 1,65%. Tại các kỳ hạn dài như 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng tăng lần lượt 135 bps lên 2,9%, +17 bps lên 3,05% và +21 bps lên 3,37%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 24/12/21 của NHNN đã giảm 0,103% so với cuối tuần trước, về mức 23.193 VND/USD. Tỷ giá NHTM giảm 0,263% ở chiều mua và 0,26% ở chiều bán lên các mức 22.730 – 23.040 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do cũng ghi nhận các mức giảm ở cả chiều mua lẫn bán về mức 23.590 – 23.650, mức giảm tương ứng 0,464% và 0,379%.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/11/2021)	1,479.79	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.550
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.430
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2 1.400

Xu hướng đi ngang vẫn duy trì trong ngắn hạn, tuy nhiên sau 10 phiên đi ngang chúng tôi cho rằng thị trường sắp vào giai đoạn biến động lớn hơn. NĐT cần theo dõi thêm diễn biến tiếp theo của VN-Index để đánh giá thêm về xu hướng sắp tới. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+0 (TRUNG TÍNH)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

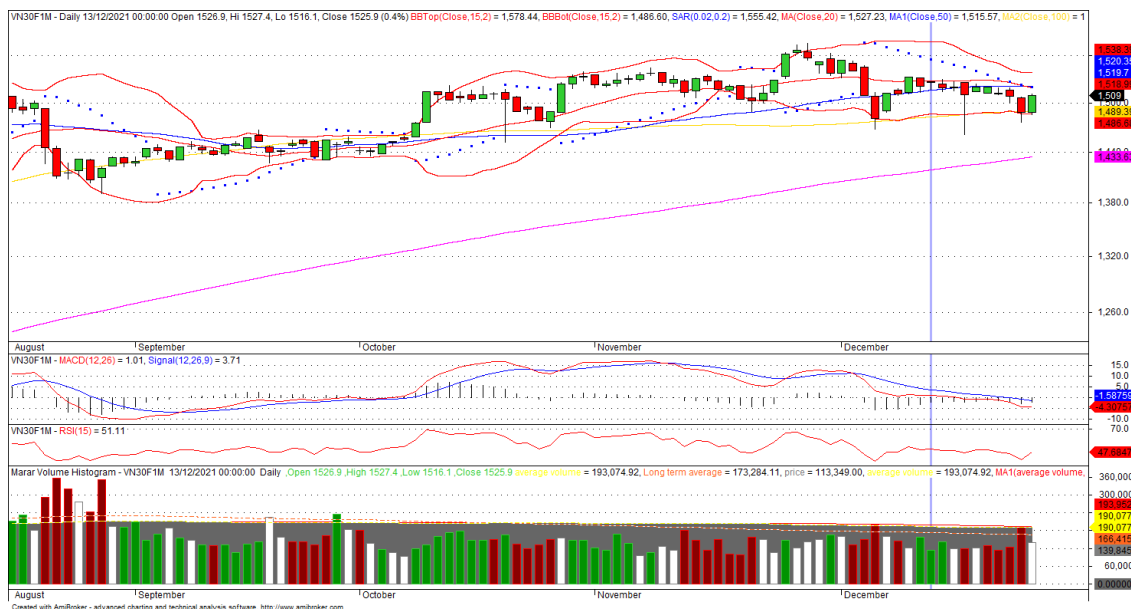
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/12/2021)	1,509	Kháng cự 1 1.530
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.506	Hỗ trợ 1 1.500
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+2,33	Hỗ trợ 2 1.480

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh vùng 1,500 điểm và đây là lần kiểm định thành công lần thứ 3 của hợp đồng phái sinh VN30F1M. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao có thể mở vị thế LONG ở quanh ngưỡng hỗ trợ 1,500 điểm. Còn đối với nhà đầu tư chấp nhận rủi ro thấp và trung bình nên dừng ngoài quan sát theo dõi thêm các biến động.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1.500
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1.493
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1.530

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PET	Bán lẻ	35,600	1,683,620	95	5	Top sức mạnh ngành
VCG	Xây dựng	53,400	10,659,875	93	6	Top sức mạnh ngành
FRT	Bán lẻ	94,100	1,400,690	88	7	Top sức mạnh ngành
HBC	Xây dựng	28,400	9,793,290	74	7	Top sức mạnh ngành
ASM	Thủy sản	23,100	4,312,750	90	6	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HBC	28.4	9,793,290	7	KHẢ QUAN	6,885	67.9	1.9	278
HNG	12.55	16,124,990	7	KHẢ QUAN	13,912	247.1	2.1	202
BSR	23	8,721,240	7	KHẢ QUAN	71,311	#N/A N/A	2.3	201
FRT	94.1	1,400,690	7	KHẢ QUAN	7,432	65.0	5.6	132
GVR	39.05	3,103,235	7	KHẢ QUAN	156,200	31.4	3.2	121
SBT	24.7	4,108,610	7	KHẢ QUAN	15,540	23.2	1.9	101
VCB	78.5	1,113,270	7	KHẢ QUAN	371,503	17.6	3.4	87
CTD	96.7	873,645	7	KHẢ QUAN	7,142	133.0	0.9	84
VCG	53.4	10,659,875	6	KHẢ QUAN	23,587	41.2	3.5	569
AAA	21.35	7,917,490	6	KHẢ QUAN	6,969	20.3	1.5	169
PVS	26.5	5,949,260	6	KHẢ QUAN	12,666	22.3	1.0	158
TTF	13.6	9,114,475	6	KHẢ QUAN	4,232	#N/A N/A	#N/A N/A	124
ASM	23.1	4,312,750	6	KHẢ QUAN	5,980	10.4	1.2	100
VJC	124	773,995	6	KHẢ QUAN	67,160	54.6	4.0	96
KBC	60	9,860,525	4	KHẢ QUAN	34,186	35.2	2.2	592
MSN	171	2,843,665	4	KHẢ QUAN	201,871	84.2	9.4	486
ITA	17.7	25,020,376	4	KHẢ QUAN	16,608	100.7	1.5	443
TCH	27.65	15,369,265	4	KHẢ QUAN	17,108	21.1	1.8	425
LDG	19.7	14,749,360	4	KHẢ QUAN	4,717	155.1	1.5	291
DPM	54.8	5,199,335	4	KHẢ QUAN	21,445	13.6	2.4	285
VRE	31.25	8,203,890	4	KHẢ QUAN	71,010	32.8	2.3	256
PVD	28.9	5,723,785	4	KHẢ QUAN	12,171	317.8	0.9	165
IJC	32.4	5,072,475	4	KHẢ QUAN	7,034	9.5	2.1	164
DLG	9.4	11,591,090	4	KHẢ QUAN	2,814	#N/A N/A	1.3	109
KDH	51	2,015,455	4	KHẢ QUAN	32,790	27.5	3.4	103
SAM	26.7	2,937,605	4	KHẢ QUAN	9,345	78.2	2.4	78
HHS	11.55	6,354,505	4	KHẢ QUAN	3,713	20.8	1.0	73
HDG	65.5	1,118,830	4	KHẢ QUAN	12,861	16.3	3.4	73
HPG	46.05	18,970,260	2	TRUNG TÍNH	205,978	6.5	2.4	874
VHM	82.9	7,304,745	2	TRUNG TÍNH	360,977	10.0	4.1	606
DIG	90	6,136,320	2	TRUNG TÍNH	44,990	51.3	7.6	552

ROS	12.4	39,873,360	2	TRUNG TÍNH	7,038	38.5	1.2	494
HAG	14.2	34,490,928	2	TRUNG TÍNH	13,169	#N/A N/A	2.7	490
FLC	17.55	24,530,076	2	TRUNG TÍNH	12,460	8.2	1.3	431
CII	39	10,710,790	2	TRUNG TÍNH	9,320	3,293.5	2.0	418
SCR	22.1	12,789,595	2	TRUNG TÍNH	8,096	28.7	1.7	283
FCN	29.5	8,162,045	2	TRUNG TÍNH	3,700	31.5	1.6	241
HQC	8.8	26,179,496	2	TRUNG TÍNH	4,194	995.9	1.0	230
LCG	22.8	7,664,035	2	TRUNG TÍNH	3,931	11.3	1.8	175
VGX	28.1	5,368,730	2	TRUNG TÍNH	14,050	49.3	2.3	151
FIT	15.5	8,944,190	2	TRUNG TÍNH	4,072	26.9	1.2	139
MWG	134.6	928,280	2	TRUNG TÍNH	95,947	22.0	5.1	125
SZC	64.8	1,455,080	2	TRUNG TÍNH	6,480	25.2	4.6	94
GAS	95.7	934,355	2	TRUNG TÍNH	183,165	22.3	3.7	89
NTL	41.95	2,019,720	2	TRUNG TÍNH	2,559	8.6	2.1	85
TCB	48.9	11,185,070	0	TRUNG TÍNH	171,684	9.8	2.0	547
CEO	58	7,333,830	0	TRUNG TÍNH	14,926	#N/A N/A	5.4	425
NLG	60.7	6,318,555	0	TRUNG TÍNH	23,244	14.0	2.6	384
CTG	32.9	8,061,060	0	TRUNG TÍNH	158,109	9.5	1.7	265
DCM	37.45	6,811,785	0	TRUNG TÍNH	19,826	22.0	3.0	255
HSG	35.7	6,630,580	0	TRUNG TÍNH	17,617	4.1	1.6	237
NKG	37.35	5,155,945	0	TRUNG TÍNH	8,157	3.9	1.5	193
LPB	21.7	7,853,090	0	TRUNG TÍNH	26,118	9.5	1.6	170
ACB	33	3,605,940	0	TRUNG TÍNH	89,164	9.2	2.1	119
TNG	33.8	2,410,235	0	TRUNG TÍNH	3,133	14.6	2.2	81
KSB	40.6	1,760,260	0	TRUNG TÍNH	2,976	11.8	1.7	71
AMD	8.13	8,630,630	0	TRUNG TÍNH	1,329	49.6	0.7	70
VPB	34.25	19,172,120	-2	TRUNG TÍNH	152,257	12.3	2.4	657
VND	79.9	6,881,905	-2	TRUNG TÍNH	34,752	15.8	4.0	550
POW	17.25	30,852,394	-2	TRUNG TÍNH	40,397	13.9	1.3	532
STB	28.2	16,202,200	-2	TRUNG TÍNH	53,163	15.1	1.6	457
SHS	48	8,846,345	-2	TRUNG TÍNH	15,613	11.8	3.4	425
DXG	34.4	12,241,170	-2	TRUNG TÍNH	20,503	26.5	2.4	421
NVL	88.9	4,333,165	-2	TRUNG TÍNH	171,615	49.0	5.0	385
HHV	26.1	10,755,610	-2	TRUNG TÍNH	7,005	44.9	1.1	281
MBB	28.15	9,198,030	-2	TRUNG TÍNH	106,360	9.6	1.9	259
SHB	21.5	11,427,540	-2	TRUNG TÍNH	57,338	11.7	1.8	246
VCI	71.7	3,236,985	-2	TRUNG TÍNH	23,876	17.2	3.8	232
VNM	86	1,889,080	-2	TRUNG TÍNH	179,736	19.1	5.8	162
VIB	43.65	2,572,655	-2	TRUNG TÍNH	67,795	12.1	3.1	112
KLF	8	11,073,480	-2	TRUNG TÍNH	1,323	931.2	0.8	89
PLX	53	1,427,980	-2	TRUNG TÍNH	67,341	20.0	2.7	76
G36	23.5	3,022,705	-2	TRUNG TÍNH	2,391	41.3	2.3	71
IDI	14.5	4,957,510	-3	TRUNG TÍNH	3,301	39.9	1.1	72
VIC	96.5	3,725,705	-4	TIÊU CỰC	367,203	77.3	3.6	360
HCM	44	4,993,360	-4	TIÊU CỰC	20,117	16.6	3.4	220
TPB	39.25	5,016,160	-4	TIÊU CỰC	62,084	12.0	2.5	197
PAN	37.5	4,816,170	-4	TIÊU CỰC	7,834	36.9	2.1	181
HDB	28.7	6,160,585	-4	TIÊU CỰC	57,176	10.2	2.1	177

ORS	24.85	3,393,980	-4	TIÊU CỰC	4,970	#N/A N/A	2.3	84
PC1	38.9	2,038,670	-4	TIÊU CỰC	9,148	13.9	2.0	79
SBS	17.1	4,523,225	-4	TIÊU CỰC	2,166	1,885.3	10.5	77
TSC	14.3	5,169,510	-4	TIÊU CỰC	2,111	18.7	1.2	74
HAH	68.4	1,043,115	-4	TIÊU CỰC	3,337	11.8	2.6	71
BID	35	1,982,780	-4	TIÊU CỰC	177,049	18.0	2.1	69
VGC	53.5	2,506,180	-5	TIÊU CỰC	23,987	25.2	3.6	134
SSI	49.05	20,243,700	-6	TIÊU CỰC	48,184	22.6	3.6	993
GEX	36.9	14,749,020	-6	TIÊU CỰC	31,420	23.3	2.7	544
PDR	94.5	4,494,070	-6	TIÊU CỰC	46,567	29.1	7.4	425
IDC	71.4	3,609,050	-6	TIÊU CỰC	21,420	39.3	5.3	258
VIX	30.2	8,243,705	-6	TIÊU CỰC	8,293	9.1	2.8	249
DGC	159.9	1,459,540	-6	TIÊU CỰC	27,356	22.0	5.5	233
KDC	54.8	2,499,840	-6	TIÊU CỰC	13,789	26.9	2.3	137
FPT	93.8	1,400,305	-6	TIÊU CỰC	85,121	21.1	5.0	131
DBC	71.4	1,823,480	-6	TIÊU CỰC	8,228	8.4	1.7	130
APS	31.9	3,166,785	-6	TIÊU CỰC	2,648	7.5	2.7	101
DPG	71.5	1,064,010	-6	TIÊU CỰC	4,504	11.9	3.6	76
HT1	22.45	3,177,395	-6	TIÊU CỰC	8,566	18.5	1.5	71
BCG	23.5	4,308,485	-7	TIÊU CỰC	10,488	8.2	2.5	101
GMD	45.75	1,699,155	-7	TIÊU CỰC	13,788	31.7	2.3	78

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Sắp hết hạn thỏa thuận thương mại giai đoạn một, Trung Quốc có lẽ phải đành thất hứa với Mỹ

Trong bối cảnh thỏa thuận thương mại giai đoạn một giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ hết hạn trong tuần tới, công chúng toàn cầu ngày càng quan tâm hơn đến các cam kết mua hàng của Bắc Kinh.

Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn chưa mua đủ tối thiểu 200 tỷ USD hàng hóa và dịch vụ của Mỹ (so với mức của năm 2017). Báo cáo của Viện Kinh tế Quốc tế Peterson (PIIE) chỉ ra, tổng lượng hàng hóa mà Trung Quốc mua của Mỹ trong giai đoạn 1/2020 - 10/2021 chỉ đạt khoảng 60%.

Cuộc khủng hoảng chuỗi cung ứng quả thực đã đè nặng lên khả năng nhập khẩu hàng hóa Mỹ của Trung Quốc.

Song, vấn đề đó hẳn chính trị không phải là yếu tố quyết định. Theo các chuyên gia kinh tế, trong hai năm qua, các cân nhắc kinh tế mới là động lực thúc đẩy hoạt động thu mua hàng hóa của Bắc Kinh.

Đối với một số sản phẩm, Trung Quốc sẵn sàng dùng sức mạnh quốc gia để tích trữ trong bối cảnh thị trường hàng hóa biến động thất thường. Trái lại, với một số hàng hóa khác, Trung Quốc không cần hoặc không muốn mua quá nhiều.

Giá tiêu dùng của Mỹ tăng mạnh nhất trong 39 năm

Ngày 23/12, Bộ Thương mại Mỹ báo cáo về mức tăng giá tiêu dùng trong tháng 11, đánh dấu mức tăng kỷ lục sau khi đã đạt mức tăng 5,1% trong 12 tháng kết thúc vào tháng 10, tiếp tục chuỗi tăng giá hàng năm cao hơn mục tiêu lạm phát 2% do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đặt ra. Đây cũng là mức tăng mạnh nhất trong 39 năm.

Năm 2021, lạm phát dự kiến chỉ khoảng 2%

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng tháng 11-2021 tăng 0,32% so với tháng trước. Bình quân chỉ số giá tiêu dùng 11 tháng năm 2021 tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng bình quân 11 tháng thấp nhất kể từ năm 2016.

Chỉ số giá tiêu dùng 11 tháng năm nay thấp do giá các mặt hàng thực phẩm giảm 0,52% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,11 điểm phần trăm. Trong đó, giá thịt heo giảm 9,62%; giá thịt gà giảm 0,51%.

Một nguyên nhân khác là Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19. Ví dụ, gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng (thực hiện vào tháng 1-2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8 và 9-2021 đã khiến giá điện sinh hoạt bình quân 11 tháng giảm 1,06% so với cùng kỳ năm 2020. Điều này tác động làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm.

Nếu xét lạm phát cơ bản, tháng 11-2021 có mức tăng 0,11% so với tháng trước, tăng 0,58% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,82% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,84%).

Xuất nhập khẩu của doanh nghiệp FDI đạt 440 tỷ USD

Các doanh nghiệp FDI góp mặt trong toàn bộ các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực của Việt Nam, trong đó chiếm ưu thế rất lớn trong những nhóm hàng dẫn đầu như điện thoại, máy vi tính, máy móc.

Theo Tổng cục Hải quan, từ đầu năm đến 15/12, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp FDI đạt 440,15 tỷ USD, tăng 25,4% (tương ứng tăng 89,23 tỷ USD), chiếm 69,5% kim ngạch cả nước.

Từ đầu năm đến 15/12, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xuất siêu hơn 24 tỷ USD.

Lãi suất tiền gửi bật tăng

Theo tìm hiểu của phóng viên Báo Người Lao Động, nhiều NH thương mại đã thay đổi biểu lãi suất tiền gửi mới theo hướng tăng từ giữa tháng 12 tới nay. Như tại NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), biểu lãi suất mới nhất hiện tăng thêm khoảng 0,2 - 0,4 điểm % so với kỳ điều chỉnh trước đó.

Ngoài ra, NH này còn có chương trình ưu đãi lãi suất cho một số đối tượng khách hàng như: khách hàng dưới 50 tuổi gửi dưới 1 tỉ đồng lãi suất kỳ hạn 6-11 tháng tại Techcombank sẽ được hưởng mức lãi suất 4,1%/năm, thay vì 3,9%/năm như trước; gửi từ 13-35 tháng lãi suất là 4,8%/năm, thay vì mức 4,4%/năm so với trước...

Đặc biệt, nhiều NH thương mại quy mô vừa và nhỏ như NH TMCP Phương Đông (OCB), NH TMCP Nam Á (Nam A Bank), GPBank, ABBANK, VietBank, SCB... đã nâng mức lãi suất tiền gửi lên tới 7%-8%/năm ở một số kỳ hạn dài khi khách hàng gửi tiết kiệm online. Như tại Nam A Bank, khách hàng gửi tiết kiệm online kỳ hạn từ 16-36 tháng sẽ hưởng lãi suất 7,4%/năm, trong khi lãi suất tiền gửi tại quầy không thay đổi nhiều. Đại diện Nam A Bank lý giải do NH vừa khai trương hệ sinh thái NH số Onebank nên tăng lãi suất tiền gửi online để thu hút khách sử dụng dịch vụ mới này.

Hà Nội đề xuất chi hơn 32.000 tỷ đồng cho dự án vành đai 4

UBND TP Hà Nội vừa có Tờ trình gửi Chính phủ lần 2 về báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án xây dựng đường vành đai 4, thông tin từ Tiền Phong.

Trong tờ trình lần này, Hà Nội đã đưa ra phương án tài chính và huy động vốn PPP cho phần đường cao tốc, trong đó vốn ngân sách nhà nước tham gia.

Theo tờ trình, đường vành đai 4 có tổng chiều rộng mặt cắt ngang 120 m, trong đó, làn đường cao tốc ở giữa có 6 làn xe; hai bên là đường song hành (đường đô thị), các hành lang bố trí cây xanh, các công trình hạ tầng kỹ thuật và đất dự trữ mở rộng.

Ngoài ra tuyến đường còn bố trí mặt bằng cho tuyến đường sắt phía Đông kết nối Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi và vành đai phía Tây kết nối Ngọc Hồi - Thạch Lỗi theo quy hoạch...

Nêu về phương án đầu tư trong tờ trình, trường hợp đầu tư ngay theo quy mô hoàn chỉnh toàn bộ 6 làn xe cao tốc theo phương thức PPP, tổng mức đầu tư dự án tổng thể khoảng 144.357 tỷ đồng, để đảm bảo hiệu quả tài chính cần mức vốn nhà nước tham gia khoảng 113.429 tỷ đồng.

Vinatex báo lãi trước thuế 1.200 tỷ đồng năm 2021

Kết thúc năm 2021, ngành dệt may Việt Nam đã cán đích doanh thu xuất khẩu, vượt qua Bangladesh để lên Top 2 thị phần thế giới chỉ sau Trung Quốc. Trong đó, Tập đoàn Dệt may báo lãi gấp đôi năm ngoái và vượt xa kế hoạch năm.

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex - Mã: VGT) vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2021 với doanh thu hợp nhất 16.436 tỷ đồng, tăng 10,7% so với năm trước.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 1.200 tỷ đồng và gấp đôi cùng kỳ. Con số lợi nhuận này cũng cao hơn 70% so với kết quả năm 2019 - thời điểm chưa có dịch COVID-19.

Với kế hoạch 17.365 tỷ đồng doanh thu và 700 tỷ đồng lãi trước thuế cho năm nay, tập đoàn đã thực hiện được 95% chỉ tiêu doanh thu và vượt 71% mục tiêu lãi trước thuế năm.

Novaland muốn huy động gần 6.000 tỷ đồng từ trái phiếu

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, Mã: NVL) vừa công bố tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trong đó có phương án phát hành 5.640 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và 235 tỷ đồng trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ tại thị trường trong nước. Khối lượng chứng quyền dự kiến phát hành tối đa 61 triệu.

Kỳ hạn trái phiếu dự kiến 10 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định 10% mỗi năm đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và 8% mỗi năm đối với trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

Tỷ lệ chuyển đổi được tính bằng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi (tức 1 tỷ đồng) chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi. Trong đó, giá chuyển đổi sẽ do HĐQT quyết định và không thấp hơn giá trị sổ sách được ghi nhận ở BCTC hợp nhất gần nhất tại thời điểm phát hành.

Với số vốn 5.875 tỷ đồng dự kiến thu được, Novaland sẽ góp vốn cho ba công ty con gồm: CTCP Nova Hospitality (3.925 tỷ), CTCP Đầu tư Địa ốc No Va (1.150 tỷ) và CTCP Địa ốc No Va Mỹ Đình (800 tỷ). Ngoài ra, doanh nghiệp sẽ tái cấu trúc nợ, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty và các công ty con, công ty liên kết.

PVTrans ước lãi quý IV giảm 49%

PVTrans (HoSE: PVT) thông báo doanh thu hợp nhất năm 2021 ước đạt 7.500 tỷ đồng, tăng 1% so với năm trước và vượt 25% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế 950 tỷ đồng, giảm 9% và vượt 90% kế hoạch năm.

Xét riêng quý IV, PVTrans ước doanh thu 2.212 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm trước; lãi trước thuế 193 tỷ đồng, giảm 49%.

Doanh nghiệp cho biết hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng đáng kể từ đại dịch Covid 19. Trong năm, công ty đã hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác 6 tàu, tăng tổng số đội tàu lên 36 chiếc với tổng trọng tải hơn 1 triệu tấn DWT.

Hải An lãi 2021 gấp gần 3 lần cùng kỳ, năm sau đầu tư tối đa 4 tàu container

Vận tải Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) vừa công bố tổng doanh thu năm nay ước đạt gần 1.900 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 389 tỷ đồng, lần lượt tăng 14% và 146% so với kế hoạch đề ra. So với năm 2020, doanh thu và lợi nhuận ước thực hiện này lần lượt tăng 58% và gấp 2,7 lần.

Về kế hoạch năm 2022, doanh nghiệp vận tải biển đặt mục tiêu doanh thu gần 2.388 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 25% so với ước thực hiện năm nay. Lợi nhuận sau thuế tăng 41% lên 550 tỷ đồng.

Trong năm sau, Hải An dự kiến mua thêm 1-2 tàu container đã qua sử dụng loại 1.600-1.700 teu và đóng mới 2 tàu container 1.800 teu. Ngoài ra, công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để đầu tư depot hoặc bến cảng tại khu vực TP HCM, Vũng Tàu và miền Trung nơi có cơ hội.

HĐQT Hải An vừa phê duyệt dự án đầu tư mua tàu container Marine Bia đóng tại năm 2008 (13 tuổi) ở Nhật Bản.

Hiện đơn vị đang sở hữu đội tàu container với 8 chiếc (tổng trọng tải lên đến 150.000 DWT, tuổi trung bình 14). Hải An vừa ký hợp đồng cho thuê tàu Hai An West trong tháng 9 và tàu Hai An Mind từ tháng 11. Hai hợp đồng cho thuê đều có kỳ hạn hai năm. Danh mục đội tàu sẽ bao gồm 4 tàu cho thuê và 4 tàu tự vận hành. Trong đó giá cho thuê Hai

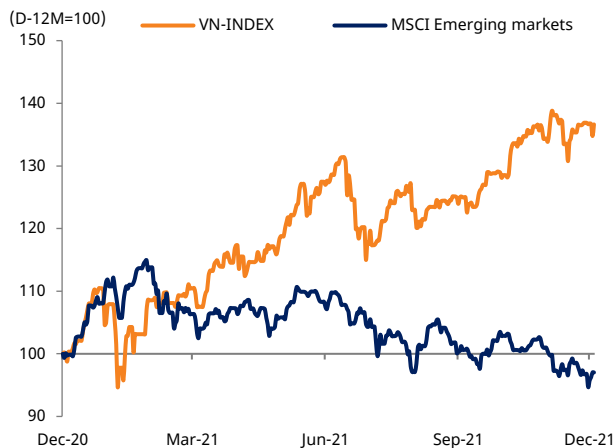
An West hiện là 31.500 USD/ngày, gần gấp đôi giá cho thuê trước đó từ 15.000 đến 17.500 USD/ngày.

Đô thị Kinh Bắc được giao 200 ha đất để đầu tư khu công nghiệp tại Hưng Yên

Theo thông tin từ Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC), sáng ngày 23/12, lễ trao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hơn 200 ha đất công nghiệp tại Hưng Yên cho tổng công ty đã diễn ra dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Phạm Minh Chính.

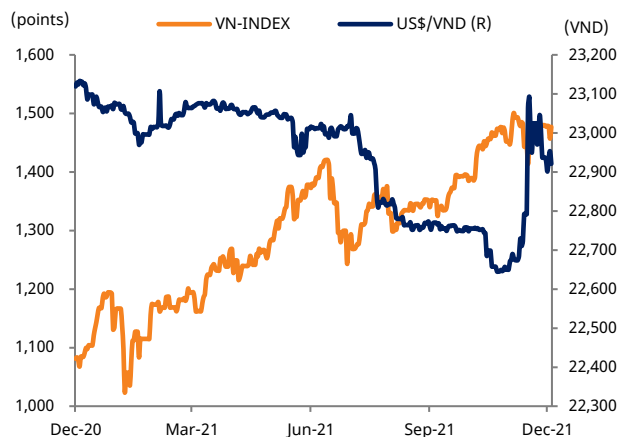
Ngay tại sự kiện, sau khi được nhận các quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, bà Nguyễn Thị Thu Hương – Tổng giám đốc Đô thị Kinh Bắc và ông Robert Harold Hughes – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH ACI Capital đã trao đổi biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư tại tỉnh Hưng Yên với tổng giá trị đầu tư dự kiến 1 tỷ USD. Biên bản ghi nhớ này ghi nhận ý định hợp tác giữa Kinh Bắc và ACI Capital. Cụ thể, ACI Capital nghiên cứu, khảo sát và hỗ trợ phát triển các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, trung tâm logistics, nhà máy điện rác... tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp của Đô thị Kinh Bắc trong giai đoạn sắp tới. Ngược lại, Kinh Bắc sẽ hỗ trợ ACI Capital trong suốt quá trình khảo sát, nghiên cứu tính khả thi cho tới khi các dự án đi vào hoạt động.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



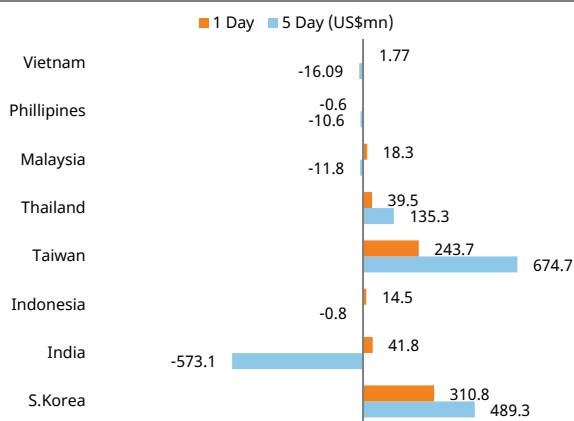
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



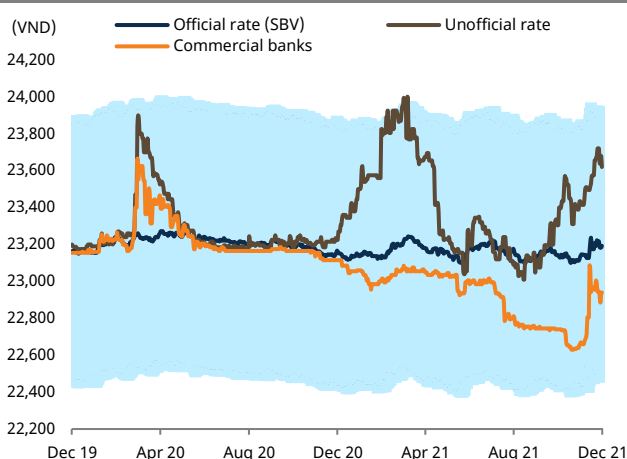
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



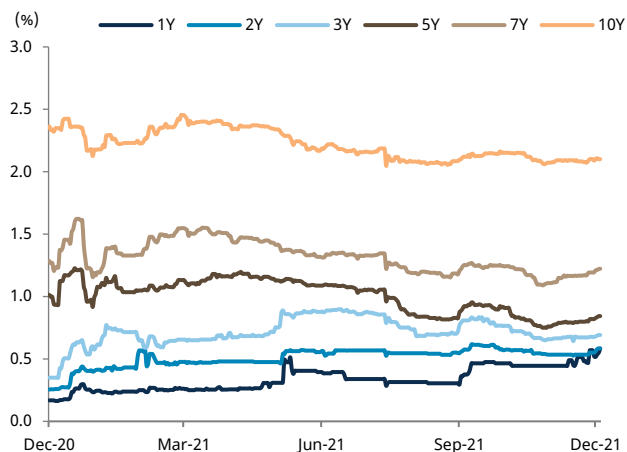
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



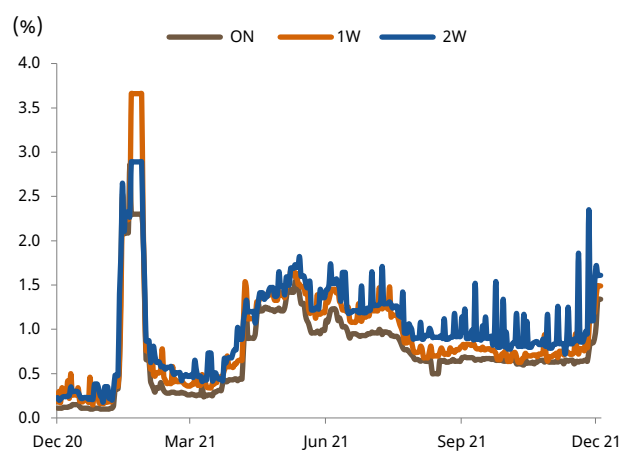
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,506.67	3,877,068		2.0	-0.5	-3.7	45.7	14.1	12.1	2.6	2.2	39.2	15.8	22.8	20.3
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	33,000	89,164	30.0	1.5	-0.6	-6.6	51.1	9.2	7.2	2.0	1.6	27.0	28.4	23.9	24.2
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	35,000	177,049	16.7	1.4	-2.0	-4.4	-3.3	19.3	14.6	2.1	1.9	57.9	32.4	13.2	15.5
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,000	41,570	26.4	2.0	-2.8	-10.8	-4.1	22.5	18.9	1.9	1.8	15.6	19.0	9.1	10.1
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,900	158,109	25.4	2.2	-0.2	-7.1	25.1	12.1	8.7	1.6	1.4	-4.6	38.4	16.3	19.6
CTCP FPT	FPT VN	93,800	85,121	49.0	0.6	-2.7	-4.2	89.2	20.3	16.6	4.4	4.0	29.1	22.2	24.0	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	95,700	183,165	2.7	0.5	-3.3	-7.1	14.1	18.9	15.5	3.7	3.3	25.8	21.6	19.7	22.3
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	39,050	156,200	0.5	0.1	2.1	5.0	43.6	34.1	30.9	NA	NA	125.3	10.2	9.4	9.9
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	28,700	57,176	17.0	6.9	-2.7	-14.3	54.6	10.0	9.0	1.9	1.6	36.9	11.3	20.9	19.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,050	205,978	23.8	2.4	-1.4	-5.3	55.6	5.6	6.6	2.1	1.6	188.7	-14.9	45.3	29.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	51,000	32,790	31.9	-1.4	1.2	8.7	98.2	29.8	22.0	3.4	3.1	-8.6	35.3	13.5	15.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,150	106,360	23.2	3.1	-0.2	-8.9	68.2	8.9	7.4	1.7	1.4	44.6	19.5	21.7	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	171,000	201,871	32.0	0.0	8.6	8.9	106.8	43.7	31.1	9.2	7.1	28,541.6	40.7	31.6	23.1
CTCP Thế giới di động	MWG VN	134,600	95,947	49.0	0.7	0.1	-6.5	73.0	20.9	15.1	4.8	3.8	11.7	38.0	26.6	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	88,900	171,615	7.8	3.1	1.1	9.5	142.1	41.6	30.3	5.6	5.0	-523.3	37.4	13.8	13.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	94,500	46,567	3.1	-0.3	-1.0	4.5	132.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,000	67,341	17.1	0.4	-2.4	-7.0	0.6	24.5	16.9	2.9	2.9	240.4	44.6	14.7	16.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,700	21,532	47.2	1.1	-0.8	-10.4	23.1	23.1	15.9	3.8	3.2	-5.0	45.9	18.4	22.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	17,250	40,397	2.8	-6.8	0.9	26.8	42.6	22.3	17.5	1.3	1.2	-22.3	27.0	7.3	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	147,000	94,268	62.5	0.1	-2.0	-12.5	-25.8	27.0	21.8	4.2	3.7	-23.8	24.2	17.6	19.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	49,050	48,184	38.4	0.1	-6.6	-7.8	161.9	21.5	23.4	NA	NA	76.6	-8.4	17.7	13.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,200	53,163	17.4	2.9	-0.4	-7.4	70.9	17.1	12.9	1.5	1.4	37.1	33.2	10.0	11.4
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	48,900	171,684	22.5	3.3	-1.9	-11.9	75.0	9.9	8.4	1.9	1.5	40.1	18.8	21.0	20.0
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	39,250	62,084	29.5	6.9	3.3	7.9	103.8	13.1	10.7	2.4	2.0	18.9	22.2	21.2	20.2
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	78,500	371,503	23.6	2.6	3.8	-4.4	2.9	18.9	15.7	3.3	2.5	18.7	20.1	20.5	20.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	82,900	360,977	23.3	0.5	-1.9	-1.0	24.9	9.9	8.9	2.9	2.3	145.0	11.4	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	96,500	367,203	13.6	0.5	-5.4	2.6	2.7	99.6	70.1	4.0	3.8	-120.2	42.1	4.2	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	124,000	67,160	16.5	0.1	1.2	-6.2	0.8	NA	34.8	NA	NA	-27.1	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	86,000	179,736	54.6	1.5	0.4	-1.7	-20.9	17.8	16.8	5.4	5.1	1.2	5.5	33.3	33.8
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	34,250	152,257	15.2	5.7	1.3	-8.2	95.7	12.0	10.1	1.8	1.6	20.2	19.2	18.0	16.1
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,250	71,010	30.1	0.8	1.5	0.5	4.3	38.5	24.8	2.3	2.1	-22.5	55.2	6.1	9.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-2.76	5,675,420	1.4	-0.2	-0.8	38.4	17.3	13.8	2.7	2.3	33.2	25.4	19.1	19.3
Ô tô và phụ tùng	-0.05	9,411	-0.3	-1.9	-6.2	44.1	7.3	6.0	1.3	1.2	20.6	22.4	10.5	11.5
Ngân hàng	3.96	1,726,022	3.6	0.9	-6.3	45.1	12.2	9.9	2.0	1.6	31.5	22.9	17.8	17.8
Xây dựng cơ bản	0.32	332,464	0.3	1.3	19.7	144.3	12.4	10.1	0.5	0.4	27.5	34.6	7.8	8.3
Dịch vụ thương mại	-0.02	5,511	-0.5	-0.8	-4.1	22.8	11.1	7.6	NA	NA	-7.8	45.5	7.9	11.0
May mặc và trang sức	-0.18	49,581	0.5	-1.2	-7.4	72.2	16.7	11.9	2.3	2.0	11.5	38.9	13.2	15.8
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	9,367	0.7	-0.2	-2.6	31.7	NA	19.8	NA	NA	NA	NA	-8.7	2.6
Dịch vụ tài chính	-1.72	185,971	1.2	-2.9	-5.6	206.9	9.4	6.4	NA	NA	80.8	-8.4	16.1	12.7
Năng lượng	-0.32	91,695	0.5	-1.3	-4.8	22.9	41.7	16.5	2.4	2.4	NA	NA	12.2	14.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	4.39	612,064	0.5	3.1	3.1	35.0	25.3	19.5	5.4	4.5	NA	11.4	23.8	21.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.07	3,968	-2.7	-5.6	0.0	25.0	9.1	11.9	NA	NA	40.4	-23.7	11.5	9.6
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,626	0.0	-1.6	-5.3	-6.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.33	55,929	1.5	-2.2	-8.9	8.8	18.7	15.7	1.6	1.5	20.0	18.7	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	-0.18	553,969	0.9	0.0	-0.4	77.1	15.0	13.8	1.4	1.1	NA	2.5	26.4	20.0
Giải trí và truyền thông	0.03	1,687	-1.9	7.0	15.3	-22.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.37	33,989	0.4	-0.2	3.6	64.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-6.62	1,354,740	-2.5	-3.9	6.9	21.1	13.2	11.6	2.2	2.0	5.6	14.3	11.3	11.6
Bán lẻ	0.24	112,130	0.4	-1.8	6.1	56.9	39.2	28.2	2.9	2.5	0.5	23.5	13.1	12.8
Phần mềm và dịch vụ	-0.67	92,433	1.1	1.0	0.1	82.3	21.0	16.0	4.5	3.6	58.9	36.7	23.7	25.3
Thiết bị và phần cứng	-0.08	10,741	0.8	-2.7	-4.6	90.2	18.7	15.3	4.0	3.6	29.4	22.7	22.1	23.3
Dịch vụ viễn thông	0.10	2,609	2.9	-2.7	-11.5	218.5	20.0	14.6	6.6	4.8	95.3	36.8	29.7	29.3
Vận tải	-0.15	199,801	-7.0	17.5	12.3	434.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.35	293,019	0.6	0.0	-1.6	34.9	80.4	73.3	0.6	0.5	19.2	NA	-273.9	33.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	171,000	8.6	7,766,520	4.2
VCB VN	78,500	3.8	1,236,347	3.6
EIB VN	31,200	20.0	1,828,180	1.7
GVR VN	39,050	2.1	4,254,120	0.8
SSB VN	41,250	4.8	2,722,680	0.7
HNG VN	12,550	20.7	17,441,820	0.6
VCG VN	53,400	9.4	15,909,780	0.5
VPB VN	34,250	1.3	17,106,980	0.5
TPB VN	39,250	3.3	6,051,260	0.5
DPM VN	54,800	9.8	6,490,860	0.5

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	96,500	-5.4	1,887,460	-5.5
VHM VN	82,900	-1.9	9,061,640	-1.8
GAS VN	95,700	-3.3	986,940	-1.7
VGC VN	53,500	-13.0	1,991,640	-0.9
BID VN	35,000	-2.0	2,490,517	-0.9
GEX VN	36,900	-9.9	15,280,720	-0.9
SSI VN	49,050	-6.6	17,755,140	-0.9
TCB VN	48,900	-1.9	9,442,500	-0.9
HPG VN	46,050	-1.4	19,517,860	-0.8
BCM VN	65,500	-3.5	871,500	-0.7

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.